

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2020
V/v “Yêu cầu không công nhận
vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thế Phương
2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Văn Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 304/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2020 về việc “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXX-ST ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H – sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố P, phường M, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T chung sống như vợ chồng với Ông Nguyễn Thanh H vào năm 1988, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà T và ông H hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nên từ năm 1993 bà và ông H đã tự nguyện sống ly thân, không ai

quan tâm đến nhau. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh P, sinh năm 1989 và Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1993. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng Ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông H thống nhất về thời gian chung sống như bà T đã trình bày. Ông xác định ông bà tự nguyện chung sống nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, nên không tìm thấy hạnh phúc. Từ năm 1993 đến nay ông và bà T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Do đó nay bà T yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với ông thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông H thống nhất có 02 con chung như bà T đã trình bày. Các cháu đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T đối với Ông Nguyễn Thanh H, về án phí bà T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các đương sự hiện đang cư trú tại thị xã M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và tranh chấp giữa bà T, ông H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1988 bà T và ông H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên đã tự nguyện sống ly thân từ năm 1993 đến nay. Bà T, ông H chung sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được Pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông H, ông H cũng xác định ông bà chung sống không hạnh phúc và đã ly thân hơn 20 năm nay nên đồng ý với yêu cầu khởi kiện bà T, yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T và ông H là đúng quy định của Pháp luật nên chấp nhận, tuyên bố không công nhận bà T và ông H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung : Bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Thanh H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 13/8/1989 và Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1993. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T đối với Ông Nguyễn Thanh H về việc “Yêu cầu không công nhận vợ chồng”.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Thanh H là vợ chồng.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Nguyễn Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 0005464 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Hiền